

Thứ ba, ngày 27 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Giăng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/4/2021		•	
Tuần 26/4-30/4/2021		•	
Tháng 4/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex dù đã có những phút giảm điểm vào đầu phiên sáng nhưng sau đó đã hồi phục trở lại và chủ yếu giăng co quanh mốc tham chiếu. Thêm vào đó, dòng tiền đầu tư cải thiện với 10/19 nhóm ngành tăng điểm đồng thời khối ngoại mua ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái cân bằng với thanh khoản suy giảm so với phiên hôm trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể vận động trong biên độ hẹp trong phiên tới nhưng rủi ro giảm điểm là vẫn còn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: VIX_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.98** điểm, đóng cửa **1219.75**. HNX-Index **-0.12** điểm, đóng cửa **280.56**.
- Kéo chỉ số tăng: **NVL (+2.15); HPG (+1.08); MSN (+0.96); VIC (+0.54); ACB (+0.41)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-0.43); VRE (-0.33); GVR (-0.31); PDR (-0.22); VNM (-0.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,065** tỷ đồng, **-22.52%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,459 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 16.82 điểm. Thị trường có **190** mã tăng, 48 mã tham chiếu và **221** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **406.76** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (173.7 tỷ), NVL (96.7 tỷ) và MSN (87.3 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.87** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1219.75**
Giá trị: 13065.39 tỷ **3.98 (0.33%)**
Khối ngoại (ròng): 406.76 tỷ

HNX-INDEX **280.56**
Giá trị: 2711.28 tỷ **-0.12 (-0.04%)**
Khối ngoại (ròng): 6.87 tỷ

UPCOM-INDEX **79.41**
Giá trị: 476.8 tỷ **-0.01 (-0.01%)**
Khối ngoại(ròng): 10.25 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	62.6	1.08%
Giá vàng	1,779	-0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,047	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,828	-0.19%
Tỷ giá JPY/VND	21,269	-0.26%
LS liên NH 1 tháng	0.9%	46.11%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	173.7	VPB	116.4
NVL	96.7	CTG	56.6
MSN	87.3	MBB	43.9
STB	79.7	PLX	29.6
VHM	77.2	BID	20.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 27/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	62.17	0.42%	-0.80%	2.00%	99.33%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	65.93	0.43%	-1.00%	6.70%	76.33%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	198.63	0.39%	-1.50%	0.80%	106.28%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1775.13	-0.35%	-0.20%	2.50%	3.44%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.08	-0.56%	0.90%	4.10%	69.93%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1536.50	-0.18%	5.40%	10.40%	83.19%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	742.50	0.41%	12.30%	21.90%	38.33%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.24	-0.21%	-0.40%	9.80%	23.25%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	218.46	0.18%	0.60%	-3.40%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.09	1.24%	5.40%	11.00%	57.95%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	143.35	3.50%	8.70%	11.50%	26.63%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9751.00	2.09%	4.00%	8.60%	87.63%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	833.73	0.47%	6.00%	15.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	886.90	0.84%	6.90%	16.40%			
Nhôm	USD/ton	2403.50	1.65%	3.20%	8.30%	59.49%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	177.23	1.09%	6.10%	29.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	85.25	-0.29%	-5.60%	-4.70%	43.16%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent giảm 46 US cent hay 0,7% xuống 65,65 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 23 US cent hay 0,4% xuống 61,91 USD/thùng.
- Ủy ban kỹ thuật chung của OPEC+ (JTC) vẫn giữ nguyên dự báo về tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm nay, nhưng lo ngại về số ca nhiễm Covid-19 tăng vọt tại Ấn Độ và các nơi khác. OPEC và các đồng minh dẫn đầu là Nga cũng sẽ nhóm họp trong tuần này.
- Ấn Độ đã ra lệnh cho các lực lượng vũ trang hỗ trợ giải quyết các ca nhiễm virus corona mới đang ngập tràn bệnh viện, các quốc gia bao gồm Anh, Đức và Mỹ cam kết gửi viện trợ y tế khẩn cấp. Công ty tư vấn FGE dự kiến nhu cầu xăng tại Ấn Độ giảm 100.000 thùng/ngày trong tháng 4 và giảm hơn 170.000 thùng/ngày trong tháng 5. Tổng doanh số bán xăng của Ấn Độ đạt gần 747.000 thùng/ngày trong tháng 3.
- Tại Nhật Bản, tình trạng khẩn cấp thứ 3 ở Tokyo, Osaka và hai tỉnh khác bắt đầu vào chủ nhật 25/4, ảnh hưởng đến gần một phần tư dân số khi quốc gia này nỗ lực chống lại sự gia tăng các trường hợp Covid-19.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,1% lên 1.779,2 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng 0,1% lên 1.780,1 USD/ounce. Cuộc họp của Fed sẽ bắt đầu vào ngày 27/4, với các nhà đầu tư đặc biệt tập trung vào những gì chủ tịch Fed sẽ nói trong cuộc họp báo sau cuộc họp vào ngày 28/4.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 4,3% lên 1.145 CNY/tấn. Giá quặng sắt 62% Fe giao ngay sang Trung Quốc tăng 0,5 USD lên 187,5 USD/tấn trong ngày 23/4.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 2,3% lên 5.371 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 3,2% lên 5.737 CNY/tấn.
- Giá thép Trung Quốc đóng cửa phiên đầu tuần ở mức cao kỷ lục bởi nhu cầu mạnh và lo ngại về việc hạn chế sản lượng, trong khi giá quặng sắt cũng cao kỷ lục.
- Tỉnh Thiểm Tây gần đây đã thúc giục các cơ quan địa phương theo yêu cầu của cơ quan kế hoạch nhà nước Trung Quốc và các cơ quan khác, xác minh sản lượng thép thô của các nhà sản xuất thép địa phương trong năm 2020 và giải thích về những nhà sản xuất có sản lượng vượt quá công suất chỉ định hoặc không đạt. Tỉnh Hà Bắc gần đây đã ra thông báo yêu cầu các nhà máy thực hiện các biện pháp kiểm soát sản xuất trong quý 2. Các biện pháp này dấy lên lo ngại về việc hạn chế hơn nữa trong lĩnh vực sắt thép, làm tăng giá do nhu cầu vẫn mạnh trong mùa cao điểm.

	27/4	% 27/4	26/4	% 26/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1219.75	0.33%	1215.77	-2.62%	-3.24%	4.87%
S&P 500			4187.62	0.18%	0.59%	7.67%
HĐTL S&P500	4184.50	0.12%	4179.40	0.19%	1.40%	5.54%
Shang- hai	3442.61	0.04%	3441.17	-0.95%	-0.87%	2.35%
Euro Stoxx	4012.28	-0.21%	4020.83	0.19%	1.82%	4.69%

Phân tích kỹ thuật

VIX_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: VIX đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi điều chỉnh ngắn hạn về quanh khu vực 28. Thanh khoản tăng cao trong phiên hôm nay đã đẩy giá cổ phiếu đóng cửa tăng 2.04%. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu sẽ tiếp tục củng cố đà tăng. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VIX nằm tại khu vực xung quanh 31-32. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 41.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 30 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

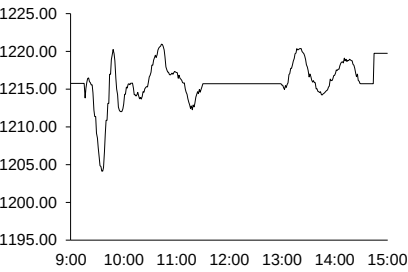
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	2.11%
Tài nguyên Cơ bản	1.98%
Ô tô và phụ tùng	1.33%
Bất động sản	0.62%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.51%
Y tế	0.50%
Thực phẩm và đồ uống	0.43%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.43%
Dịch vụ tài chính	0.33%
Ngân hàng	0.24%
Viễn thông	0.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.08%
Xây dựng và Vật liệu	-0.18%
Du lịch và Giải trí	-0.33%
Công nghệ Thông tin	-0.43%
Bán lẻ	-0.44%
Hóa chất	-0.61%
Bảo hiểm	-0.69%
Dầu khí	-2.32%

Hình 1

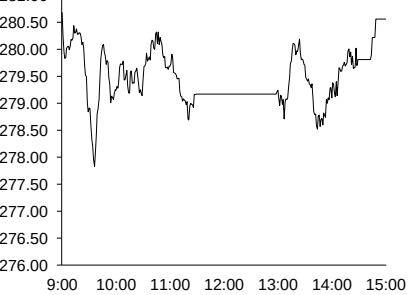
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

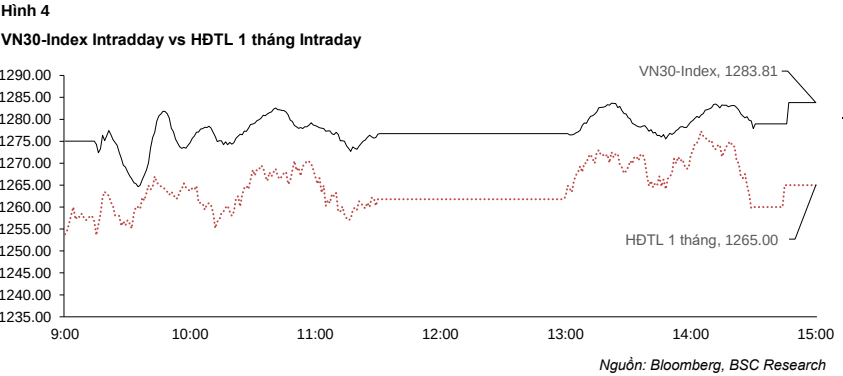
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	9.8	1	-2.00%	Có thể tiếp tục mua
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	36	4	0.00%	Có thể tiếp tục mua
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	22.95	5	4.32%	Có thể tiếp tục mua
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	23.6	7	-2.28%	Có thể tiếp tục mua
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	56.3	11	3.11%	Có thể tiếp tục mua
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	25.25	12	-0.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	39.5	15	-6.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	80.7	18	-1.71%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	33.35	28	-1.48%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	56.9	39	-6.72%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	12.3	64	-13.38%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	SL	21	-13.29%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%
3/31/2021	SAB	180	200	173	SL	14	-3.89%
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	SL	18	-11.94%
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	TP	19	15.65%
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	FS	16	25.68%
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	SL	28	-11.11%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	8	2.48%	-4.28%	-2.44%	19
Cổ phiếu đã chốt	132	78	13.35%	-8.05%	5.40%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1265.00	0.88%	-18.81	-4.5%	253,877	5/20/2021	25
VN30F2106	1267.00	-0.06%	-16.81	-36.6%	434	6/17/2021	53
VN30F2109	1265.00	0.40%	-18.81	-43.0%	86	9/16/2021	144
VN30F2112	1260.00	0.11%	-23.81	-49.6%	63	12/16/2021	235

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +8.77 điểm, lên 1283.81 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như NVL, HPG, MSN, STB, VIC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1270-1280 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 1280 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , VN30F2105 và VN30F2106 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2105 và VN30F2106 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2003	6/11/2021	45	10:1	814,000	28.09%	1,000	5,620	10.41%	5,789	0.97	73,979	63,979	121,500
CSTB2103	8/9/2021	104	2:1	495,300	41.46%	1,400	5,150	7.74%	2,799	1.84	20,800	18,000	23,100
CHPG2103	7/6/2021	70	2:1	208,200	32.54%	3,900	9,580	5.27%	7,361	1.30	49,800	42,000	56,300
CHPG2018	5/14/2021	17	4:1	1,034,700	32.54%	1,200	6,590	4.44%	6,592	1.00	34,799	29,999	56,300
CHPG2102	7/5/2021	69	1:1	84,100	32.54%	6,600	18,820	3.98%	15,691	1.20	47,600	41,000	56,300
CSTB2014	6/14/2021	48	1:1	369,300	41.46%	3,800	11,300	3.86%	11,175	1.01	15,800	12,000	23,100
CTCB2103	8/9/2021	104	2:1	384,000	33.56%	2,900	5,740	3.05%	2,737	2.10	41,300	35,500	39,500
CHPG2105	8/9/2021	104	2:1	259,400	32.54%	3,000	10,580	2.72%	7,497	1.41	48,000	42,000	56,300
CHPG2022	5/4/2021	7	2:1	2,885,100	32.54%	2,100	14,470	1.90%	14,662	0.99	31,200	27,000	56,300
CSTB2010	6/11/2021	45	2:1	264,300	41.46%	1,100	5,680	1.43%	5,586	1.02	14,199	11,999	23,100
CHPG2026	5/10/2021	13	2:1	190,100	32.54%	3,350	9,510	1.17%	9,931	0.96	43,200	36,500	56,300
CVHM2102	7/6/2021	70	10:1	339,700	30.00%	1,900	3,850	1.05%	1,458	2.64	106,000	87,000	100,000
CTCB2102	7/6/2021	70	2:1	297,200	33.56%	2,300	5,000	0.81%	2,311	2.16	57,200	48,000	39,500
CVPB2103	8/9/2021	104	2:1	264,400	36.64%	2,700	8,890	0.34%	8,632	1.03	41,900	36,500	53,200
CTCB2101	10/5/2021	161	1:1	237,900	33.56%	5,000	13,200	0.15%	1,807	7.30	36,000	31,000	39,500
CVHM2104	8/9/2021	104	10:1	368,000	30.00%	1,600	3,500	-2.78%	807	4.34	114,000	98,000	100,000
CMBB2010	6/14/2021	48	1:1	95,000	32.50%	4,600	13,500	-4.05%	13,700	0.99	20,600	16,000	29,600
CVHM2008	6/11/2021	45	10:1	694,000	30.00%	1,400	3,250	-7.14%	1,222	2.66	102,888	88,888	100,000
CVRE2014	5/4/2021	7	1:1	813,800	33.29%	4,600	3,400	-19.43%	3,129	1.09	32,100	27,500	30,600
Tổng				10,098,500	33.73%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CNVL2101 và CNVL2003 tăng mạnh lần lượt là 16.55% và 10.41%. Trái lại, CVRE2014 và CVNM2101 giảm mạnh lần lượt là -19.43% và -10.74%. Giá trị giao dịch tăng 14.76%. CHPG2022 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 31.48% thị trường.
- CPNJ2103, CVPB2102, CVPB2016, CHPG2026, và CSTB2016 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2011, CHPG2022, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CVPB2015, và CVPB2016 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
NVL	121.50	6.21	3.27
HPG	56.30	2.18	2.70
MSN	98.00	3.16	1.53
STB	23.10	2.44	1.17
VIC	132.10	0.46	0.50

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
PDR	72.2	-2.70	-0.48
VRE	30.6	-1.77	-0.35
VNM	95.7	-0.31	-0.31
FPT	80.7	-0.37	-0.23
MWG	141.9	-0.42	-0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	141.9	-0.4%	1.0	2,933	5.1	8,654	16.4	4.2	50.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	96.0	1.1%	1.0	949	2.1	4,974	19.3	3.8	48.9%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	56.9	-0.9%	1.5	1,836	1.5	2,087	27.3	2.1	27.3%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.9	-0.9%	0.5	320	0.1	3,404	9.7	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	132.1	0.5%	0.7	19,427	9.4	1,689	78.2	5.4	14.6%	7.1%
VRE	Bất động sản	30.6	-1.8%	1.1	3,023	9.2	1,048	29.2	2.4	30.5%	8.5%
VHM	Bất động sản	100.0	0.4%	1.1	14,302	17.3	8,314	12.0	3.8	22.4%	38.6%
DXG	Bất động sản	23.0	1.8%	1.3	517	5.6	(61)		1.8	33.7%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	31.8	0.3%	1.4	893	7.4	2,094	15.2	1.9	46.0%	13.1%
VCI	Chứng khoán	62.3	2.1%	1.0	449	2.3	5,703	10.9	2.1	24.8%	22.1%
HCM	Chứng khoán	30.0	-0.3%	1.5	398	3.0	2,462	12.2	1.9	47.5%	16.4%
FPT	Công nghệ	80.7	-0.4%	0.9	2,769	4.5	4,718	17.1	3.8	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	77.9	0.3%	0.4	927	0.1	5,165	15.1	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	81.5	0.0%	1.3	6,782	2.8	4,102	19.9	3.2	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	48.6	-2.7%	1.5	2,628	4.4	723	67.2	2.8	16.2%	4.5%
PVS	Dầu khí	19.4	0.0%	1.6	403	4.2	1,306	14.9	0.8	8.5%	5.1%
BSR	Dầu khí	14.0	-6.0%	0.8	1,887	7.0	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	100.0	0.0%	0.4	568	0.1	5,647	17.7	3.5	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.6	0.0%	0.7	316	0.8	1,765	10.5	0.9	14.4%	8.6%
DCM	Hóa chất	16.2	4.2%	0.6	372	2.2	1,017	15.9	1.4	3.6%	8.7%
VCB	Ngân hàng	99.0	0.4%	1.1	15,964	5.1	4,975	19.9	3.9	23.3%	21.1%
BID	Ngân hàng	40.4	-0.4%	1.3	7,056	3.5	1,740	23.2	2.1	16.8%	9.3%
CTG	Ngân hàng	39.7	-0.1%	1.3	6,419	12.4	3,678	10.8	1.7	26.1%	16.9%
VPB	Ngân hàng	53.2	0.4%	1.2	5,678	38.6	4,626	11.5	2.3	23.3%	22.5%
MBB	Ngân hàng	29.6	0.0%	1.2	3,602	13.0	2,965	10.0	1.7	22.9%	19.2%
ACB	Ngân hàng	34.0	2.1%	1.0	3,195	9.3	3,992	8.5	1.9	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	58.5	-0.5%	0.7	208	0.2	6,385	9.2	1.9	81.5%	21.2%
NTP	Nhựa	36.2	3.4%	0.5	185	0.2	3,988	9.1	1.6	18.9%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.7	1.5%	0.7	941	0.4	39	505.1	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	56.3	2.2%	1.1	8,110	51.3	5,476	10.3	2.8	30.3%	31.3%
HSG	Thép	31.4	4.0%	1.3	607	14.8	3,387	9.3	2.0	7.6%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	95.7	-0.3%	0.7	8,696	13.1	4,770	20.1	6.4	55.5%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	169.8	-0.1%	0.8	4,734	0.7	7,064	24.0	5.5	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	98.0	3.2%	1.0	5,005	10.0	1,054	93.0	7.2	32.7%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	20.3	-1.5%	1.2	543	1.6	946	21.4	1.6	8.3%	7.4%
ACV	Vận tải	72.6	0.0%	0.8	6,872	1.0	577	125.8	4.2	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	127.2	-0.2%	1.1	2,897	2.6	132		4.4	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	28.8	-0.2%	1.7	1,773	1.0	(7,705)		6.4	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	33.4	1.1%	1.0	437	2.2	1,149	29.0	1.7	38.3%	5.8%
PVT	Vận tải	16.2	1.3%	1.3	228	1.6	2,068	7.8	1.1	12.3%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.3	0.8%	1.0	621	0.8	8,257	10.8	3.7	3.8%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.4	-0.1%	0.4	650	0.1	1,604	20.8	2.3	6.5%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	-0.3%	0.9	270	0.2	1,566	10.4	1.1	3.1%	11.0%
CTD	Xây dựng	62.5	-2.5%	1.0	202	1.3	4,158	15.0	0.6	44.9%	3.8%
CII	Xây dựng	20.6	1.7%	0.5	214	1.5	1,030	20.0	1.0	30.6%	5.1%
REE	Điện	51.0	-0.6%	-1.4	685	1.2	5,250	9.7	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	25.3	-0.2%	-0.4	210	0.3	2,438	10.4	1.2	11.2%	13.8%
POW	Điện	12.1	0.0%	0.6	1,232	4.2	1,010	12.0	1.0	3.6%	8.5%
NT2	Điện	20.4	0.0%	0.5	255	0.1	1,872	10.9	1.4	15.2%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	36.8	-1.9%	1.1	752	3.7	478	77.0	1.8	21.9%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	56.0	0%	1.0	2,520	0.0			3.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	121.50	6.21	1.87	2.01MLN
HPG	56.30	2.18	1.06	21.29MLN
MSN	98.00	3.16	0.94	2.38MLN
VIC	132.10	0.46	0.54	1.63MLN
ACB	34.00	2.10	0.40	6.39MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
PLX	0.00	-0.47	2.05MLN	1.11MLN
VRE	0.00	-0.34	6.83MLN	607060
GVR	0.00	-0.32	1.51MLN	373600
PDR	0.00	-0.23	3.37MLN	192700
VNM	0.00	-0.17	3.15MLN	611640

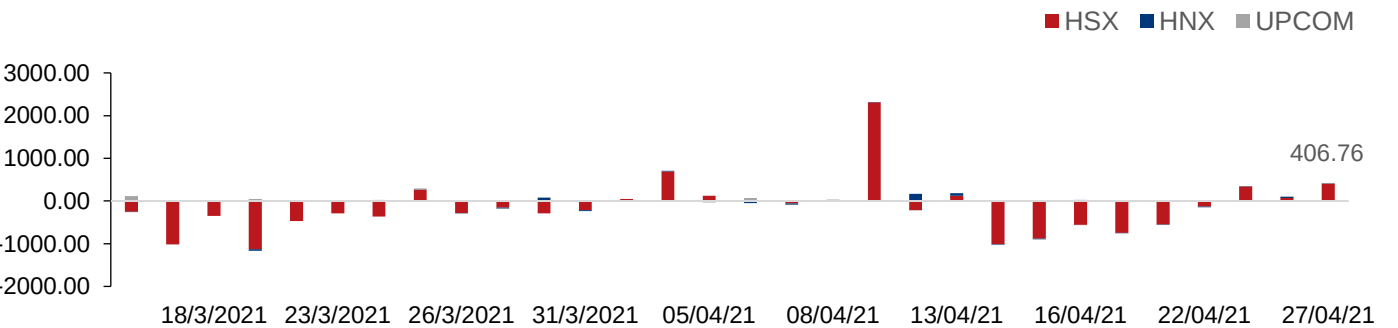
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSH	21.40	7.00	0.05	731200.00
TTF	7.04	6.99	0.04	5.15MLN
TSC	9.52	6.97	0.02	5.39MLN
HUB	23.85	6.95	0.01	40000
VPS	16.20	6.93	0.01	53400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	6.67	-6.97	-0.08	46.91MLN
NHA	30.15	-6.94	-0.01	317300
TMT	9.54	-6.93	-0.01	41200.00
YEG	24.90	-6.92	-0.02	292200
HQC	3.80	-6.86	-0.04	26.69MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.7	1,387	12.0	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.0	3,992	8.5	1.9	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.6	577	125.8	4.2	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	26.7	4,043	6.6	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	39.7	3,678	10.8	1.7	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	52.6	13,880	3.8	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	68.7	6,330	10.9	2.5	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	106.2	6,245	17.0	3.9	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.6	1,765	10.5	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.2	2,379	11.0	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	23.0	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	80.7	4,718	17.1	3.8	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.4	1,149	29.0	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	38.7	6,175	6.3	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	56.3	5,476	10.3	2.8	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	31.4	3,387	9.3	2.0	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.3	1,566	10.4	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	36.8	478	77.0	1.8	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	34.6	2,044	16.9	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	20.6			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	34.7	3,258	10.6	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	98.0	1,054	93.0	7.2	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	141.9	8,654	16.4	4.2	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	35.0	4,008	8.7	1.5	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	50.0	7,080	7.1	2.1	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	23.7	1,830	13.0	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	96.0	4,974	19.3	3.8	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.1	1,010	12.0	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.7	0	45.9	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	19.4	1,306	14.9	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	169.8	7,064	24.0	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.3	946	21.4	1.6	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	39.5	4,074	9.7	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.0	4,975	19.9	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	40.2	4,166	9.6	2.1	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.9	570	26.1	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.0	3,837	9.4	1.2	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	95.7	4,770	20.1	6.4	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	100.0	8,314	12.0	3.8	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	23.4	943	24.8	2.0	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.0	566	17.7	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	125.9	9,476	13.3	5.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	53.2	4,626	11.5	2.3	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	30.6	1,048	29.2	2.4	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	80.7	4,060	19.9	5.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639